

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2021

V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê N, sinh năm 1995; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường D17, ấp A, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương— vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn N, sinh năm 1992; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường D17, ấp A, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê N trình bày:

Chị và anh N chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2013, đăng ký ngày 05/9/2013, hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh N không chăm lo hạnh phúc gia đình và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn V, sinh ngày 24/8/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn V và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn N, nhưng anh N không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh N.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn; tuy nhiên, tại thời điểm tổng đạt văn bản tố tụng, bị đơn không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào các quy định tại Điều 174; Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành lập các Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn và Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê N và anh Nguyễn N chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 82/2013, quyền số 01/2013, hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh N, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn N đã được Tòa án tổng đạt các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Đồng thời, ngày 31/3/2021, Tòa án có Quyết định số 06/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu anh N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chị N trình bày là không có căn cứ, nhưng anh N không cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho chị Lê N được ly hôn với anh Nguyễn N.

Về con chung: Chị Lê N và anh Nguyễn N có 01 con chung tên Nguyễn V, sinh ngày 24/8/2014, chị N yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu này của chị N là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê N, anh Nguyễn N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê N đối với bị đơn anh Nguyễn N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê N được ly hôn với anh Nguyễn VN.

Về con chung: Giao cho chị Lê N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn V, sinh ngày 24/8/2014.

Anh Nguyễn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn V mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ ngày 23/6/2021 cho đến khi cháu Nguyễn V đủ 18 tuổi.

Kể từ khi Bản có có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Lê N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054301 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê N, anh Nguyễn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSYA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng